

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất | 6 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10 - 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 12 - 94 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 45 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; kinh doanh mua bán vàng miếng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 79.339.236 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.339.236 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, tám mươi (80) chi nhánh, hai trăm linh bảy (207) phòng giao dịch trên cả nước và bốn (4) công ty con.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|--|
| Ông Ngô Chí Dũng | Chủ tịch |
| Ông Bùi Hải Quân | Phó Chủ tịch |
| Ông Lô Bằng Giang | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đức Vinh | Thành viên |
| Ông Takeshi Kimoto | Thành viên (Từ ngày 29 tháng 4 năm 2024) |
| Bà Phạm Thị Nhung | Thành viên (Từ ngày 29 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Nguyễn Văn Phúc | Thành viên độc lập |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ |
|-------------------------|-----------------------------------|
| Bà Kim Ly Huyền | Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách |
| Bà Trịnh Thị Thanh Hằng | Thành viên chuyên trách |
| Ông Vũ Hồng Cao | Thành viên |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> |
|-----------------------|---|
| Ông Nguyễn Đức Vinh | Tổng Giám đốc |
| Bà Lưu Thị Thảo | Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc điều hành cao cấp |
| Ông Phùng Duy Khương | Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách phía Nam |
| Bà Phạm Thị Nhung | Phó Tổng Giám đốc thường trực |
| Bà Dương Thị Thu Thủy | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thành Long | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Văn Nho | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Kamijo Hiroki | Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 5 tháng 8 năm 2024) |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") và công ty con trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11601597/E-68403199-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 7 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 94, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng</i> |
|--|--------------------|---|---|
| TÀI SẢN | | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 5 | 2.148.289 | 2.284.990 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") | 6 | 14.327.215 | 8.422.511 |
| Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác | | 134.643.662 | 94.093.778 |
| Tiền gửi tại các TCTD khác | 7.1 | 126.527.280 | 81.299.073 |
| Cấp tín dụng cho các TCTD khác | 7.2 | 8.116.382 | 12.794.705 |
| Chứng khoán kinh doanh | 8 | 13.110.971 | 12.325.809 |
| Chứng khoán kinh doanh | | 13.180.721 | 12.406.274 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | | (69.750) | (80.465) |
| Cho vay khách hàng | | 676.545.598 | 551.472.066 |
| Cho vay khách hàng | 10 | 692.875.738 | 566.271.290 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 11 | (16.330.140) | (14.799.224) |
| Hoạt động mua nợ | 12 | 799.825 | 821.761 |
| Mua nợ | | 805.869 | 827.971 |
| Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ | | (6.044) | (6.210) |
| Chứng khoán đầu tư | | 52.783.054 | 94.587.476 |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 13.1 | 51.857.428 | 88.050.457 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 13.2 | 992.927 | 6.755.260 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | 13.3, 13.4 | (67.301) | (218.241) |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 14 | 189.210 | 189.210 |
| Tài sản cố định | | 2.023.899 | 1.923.801 |
| Tài sản cố định hữu hình | 15.1 | 1.437.082 | 1.298.099 |
| <i>Nguyên giá tài sản cố định</i> | | <i>3.406.801</i> | <i>2.994.200</i> |
| <i>Khấu hao tài sản cố định</i> | | <i>(1.969.719)</i> | <i>(1.696.101)</i> |
| Tài sản cố định vô hình | 15.2 | 586.817 | 625.702 |
| <i>Nguyên giá tài sản cố định</i> | | <i>2.086.191</i> | <i>1.908.548</i> |
| <i>Hao mòn tài sản cố định</i> | | <i>(1.499.374)</i> | <i>(1.282.846)</i> |
| Tài sản Có khác | | 27.275.914 | 51.445.520 |
| Các khoản phải thu | 16.1 | 11.411.320 | 33.969.441 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 16.2 | 8.384.069 | 8.976.228 |
| Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 24.2 | 1.195.836 | 1.297.724 |
| Tài sản Có khác | 16.3 | 6.547.735 | 7.354.383 |
| <i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i> | 17 | <i>41.310</i> | <i>118.507</i> |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | 16.4 | (263.046) | (152.256) |
| TỔNG TÀI SẢN | | 923.847.637 | 817.566.922 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng |
|---|----------------|--|--|
| NỢ PHẢI TRẢ | | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 18 | 5.713 | 4.118.311 |
| Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN | | 5.713 | 4.118.311 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính ("TCTC"), TCTD khác | | 201.756.421 | 156.356.651 |
| Tiền gửi của các TCTC, TCTD khác | 19.1 | 111.863.209 | 83.234.756 |
| Vay các TCTC, TCTD khác | 19.2 | 89.893.212 | 73.121.895 |
| Tiền gửi của khách hàng | 20 | 485.666.548 | 442.368.381 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 9 | 28.057 | 392 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 21 | 10.894 | 22.045 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 22 | 66.975.704 | 47.787.312 |
| Các khoản nợ khác | | 22.129.038 | 27.118.303 |
| Các khoản lãi, phí phải trả | 23.1 | 10.415.008 | 13.812.285 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả | 24.2 | 26.517 | 65.310 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 23.2 | 11.687.513 | 13.240.708 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 776.572.375 | 677.771.395 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| Vốn | | 103.331.782 | 103.331.782 |
| - Vốn điều lệ | | 79.339.236 | 79.339.236 |
| - Thặng dư vốn cổ phần | | 23.992.546 | 23.992.546 |
| Các quỹ của TCTD | | 14.565.614 | 12.233.282 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | | 24.007.579 | 19.065.969 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 5.370.287 | 5.164.494 |
| TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 25 | 147.275.262 | 139.795.527 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 923.847.637 | 817.566.922 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

| | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng |
|---|----------------|--|--|
| Nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra | 40 | 690.753.389 | 641.955.933 |
| Bảo lãnh vay vốn | | 848.721 | 1.754.978 |
| Cam kết giao dịch hối đoái | | 300.000.752 | 296.858.798 |
| - Cam kết mua ngoại tệ | | 2.972.620 | 264.965 |
| - Cam kết bán ngoại tệ | | 1.955.905 | 992.663 |
| - Cam kết nhận - giao dịch hoán đổi tiền tệ | | 147.811.792 | 147.839.284 |
| - Cam kết trả - giao dịch hoán đổi tiền tệ | | 147.260.435 | 147.761.886 |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C | | 16.461.049 | 38.680.116 |
| Bảo lãnh khác | | 26.008.227 | 19.546.205 |
| Các cam kết khác | | 347.434.640 | 285.115.836 |
| Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang | | 229.511.446 | 205.810.854 |
| Các khoản mục ngoại bảng khác | 41 | 212.782.373 | 150.407.788 |
| Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 41.1 | 7.668.183 | 8.211.807 |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 41.2 | 82.187.400 | 51.100.127 |
| Tài sản và chứng từ khác | 41.3 | 122.926.790 | 91.095.854 |
| | | 903.535.762 | 792.363.721 |

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:






Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm 2024 Triệu đồng</i> | <i>Năm 2023 Triệu đồng</i> |
|---|--------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 27 | 80.111.645 | 76.557.377 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 28 | (31.031.238) | (38.382.701) |
| Thu nhập lãi thuần | | 49.080.407 | 38.174.676 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 13.201.660 | 12.307.787 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | | (7.075.337) | (5.095.905) |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 29 | 6.126.323 | 7.211.882 |
| Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 30 | 827.240 | (805.973) |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 31 | 360.956 | 380.173 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 32 | 469.667 | 250.032 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | | 9.559.809 | 7.774.012 |
| Chi phí cho hoạt động khác | | (4.182.147) | (3.248.461) |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 33 | 5.377.662 | 4.525.551 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 34 | 12.801 | 3.147 |
| TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG | | 62.255.056 | 49.739.488 |
| TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | 35 | (14.339.732) | (13.941.218) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 47.915.324 | 35.798.270 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 36 | (27.902.624) | (24.994.374) |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | | 20.012.700 | 10.803.896 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 24.1 | (3.962.779) | (2.984.015) |
| (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | (63.095) | 674.290 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | (4.025.874) | (2.309.725) |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ | | 15.986.826 | 8.494.171 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 208.031 | (1.479.768) |
| Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng | | 15.778.795 | 9.973.939 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 26 | 1.989 | 1.433 |

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:






Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm 2024 Triệu đồng</i> | <i>Năm 2023 Triệu đồng</i> |
|---|------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | | 79.761.557 | 75.607.344 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | | (34.127.232) | (33.563.210) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | | 6.885.044 | 6.769.431 |
| Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | | 1.378.451 | 504.746 |
| (Chi phí)/thu nhập khác | | (198.681) | 2.065.153 |
| Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro | | 5.574.886 | 2.495.093 |
| Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | | (13.510.646) | (13.563.177) |
| Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm | 24 | (3.503.868) | (4.082.839) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động | | 42.259.511 | 36.232.541 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác | | 4.678.323 | (5.581.091) |
| Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán | | 39.520.021 | (15.071.380) |
| Tăng các khoản cho vay khách hàng và mua nợ | | (129.369.500) | (132.240.812) |
| Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản (cho vay khách hàng, chứng khoán, đầu tư dài hạn) | | (23.511.227) | (19.444.959) |
| Giảm khác về tài sản hoạt động | | 22.837.018 | 1.051.359 |
| Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động | | | |
| (Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN | | (4.112.598) | 2.189.078 |
| Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay từ các TCTC, các TCTD khác | | 45.399.770 | 16.107.535 |
| Tăng tiền gửi của khách hàng | | 43.298.167 | 139.216.964 |
| Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính) | | 19.188.392 | (15.912.662) |
| Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro | | (11.151) | (25.005) |
| Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | 27.665 | (14.977) |
| (Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động | | (2.888.206) | 4.952.988 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 57.316.185 | 11.459.579 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Thuyết minh | Năm 2024 Triệu đồng | Năm 2023 Triệu đồng |
|---|----------------|------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Mua sắm tài sản cố định | | (59.296) | (107.210) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 1.715 | 965 |
| Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | (259) | - |
| Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | | 12.801 | 3.147 |
| Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (45.039) | (103.098) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu | | - | 35.897.546 |
| Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | | (7.935.832) | (7.933.924) |
| Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ | | - | 302.196 |
| Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính | | (7.935.832) | 28.265.818 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 49.335.314 | 39.622.299 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 93.667.470 | 54.045.171 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 37 | 143.002.784 | 93.667.470 |
| CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM | | | |
| Giảm thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu quỹ theo ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ | | - | (581.270) |

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:






Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 45 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; kinh doanh mua bán vàng miếng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 79.339.236 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.339.236 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, tám mươi (80) chi nhánh, hai trăm linh bảy (207) phòng giao dịch trên cả nước và bốn (4) công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có bốn (04) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

| <i>Tên công ty</i> | <i>Được thành lập theo</i> | <i>Ngành hoạt động</i> | <i>Vốn điều lệ</i> | <i>% sở hữu</i> |
|--|---|----------------------------------|-------------------------|-----------------|
| Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB AMC") | Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần gần nhất ngày 12 tháng 5 năm 2023 | Quản lý nợ và khai thác tài sản | 115 tỷ đồng Việt Nam | 100% |
| Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC ("VPB SMBC FC") | Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 29 tháng 5 năm 2024 | Hoạt động dịch vụ tài chính khác | 10.928 tỷ đồng Việt Nam | 50% |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("VPBankS") | Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và Giấy phép Điều chỉnh gần nhất ngày 11 tháng 12 năm 2024 | Các hoạt động chứng khoán | 15.000 tỷ đồng Việt Nam | 99,9537% |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES ("OPES") (*) | Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 19 tháng 6 năm 2024 | Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ | 1.265 tỷ đồng Việt Nam | 99,13% |

(*) Ngày 9 tháng 5 năm 2024, Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES tăng vốn điều lệ lên 1.265 tỷ đồng, trong đó VPBank nắm giữ 125.400.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu 99,13%.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 27.428 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24.973 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND") và được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("triệu VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo kết quả lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm này cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng**

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ các thay đổi sau:

Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ("Luật Các TCTD") và Thông tư số 21/2024/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng ("Thông tư 21") có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Theo quy định của Luật Các TCTD và Thông tư 21, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là một hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng.

Luật Các TCTD quy định tăng tỷ lệ trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ 5% lên 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Thông tư 31 thay thế các nội dung liên quan đến phân loại nợ tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11"). Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau: bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác;

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu, phải thoái ("Nghị định 86") ban hành và có hiệu lực ngày 11 tháng 7 năm 2024

Nghị định 86 thay thế các nội dung liên quan đến trích lập dự phòng rủi ro cho Thông tư 11.

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Luật Các TCTD 32/2024/QH15, Thông tư 31, Nghị định 86 và Thông tư 21 kể từ ngày các văn bản này có hiệu lực.

Thông tư 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06") ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024.

Thông tư 06 kéo dài thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53") quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 có hiệu lực ngày 4 tháng 12 năm 2024.

Thông tư 53 áp dụng cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 tại 26 tỉnh, thành phố. Khách hàng được xem xét cơ cấu nợ nếu có dư nợ gốc phát sinh trước ngày 7 tháng 9 năm 2024, với nghĩa vụ trả nợ từ 7 tháng 9 năm 2024 đến đến 31 tháng 12 năm 2025 và được đánh giá có khả năng trả nợ sau khi được cơ cấu. Thời gian thực hiện cơ cấu kéo dài đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với thời hạn trả nợ tối đa đến 31 tháng 12 năm 2027. Ngân hàng thực hiện xem xét quyết định cơ cấu, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và theo dõi lãi phải thu đối với khoản nợ được cơ cấu theo đúng quy định tại Thông tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo quy định trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến một năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên một năm đến năm năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên năm năm tính từ ngày giải ngân.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo quy định, trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.5 Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Ngân hàng áp dụng phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 và áp dụng nguyên tắc tính dự phòng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 86 và Điều 16 Thông tư 21 đối với các tài sản Có sau: cho vay khách hàng; cho thuê tài chính; chiết khấu, tái chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bao thanh toán; cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng; trả thay cam kết ngoại bảng; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết; ủy thác cấp tín dụng; các khoản gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn) và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các tổ chức tín dụng khác; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành; nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng; mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính Ngân hàng phát hành (gọi chung là "các khoản nợ").